

KẾ HOẠCH
Hoạt động khoa học và công nghệ giai đoạn 2021-2025

Thực hiện Công văn số 2062/BKH-CN-KHTC ngày 15/7/2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xây dựng khung kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ năm 2021-2025; Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, cụ thể như sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2020 VÀ 05 NĂM 2016-2020

I. Đánh giá tình hình thực hiện chính sách về khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm giai đoạn 2016-2020

Hệ thống văn bản liên quan đến chính sách về khoa học và công nghệ (KH&CN) do trung ương và của tỉnh ban hành đã điều chỉnh cơ bản các mặt hoạt động KH&CN của tỉnh. Các văn bản ban hành được triển khai thực hiện thống nhất từ tỉnh đến cơ sở, có tác động rất lớn, tạo hành lang pháp lý trong việc bảo đảm hoạt động hiệu quả hoạt động của ngành, góp phần xây dựng ngành KH&CN ngày càng phát triển.

Công tác quản lý hoạt động KH&CN từng bước đổi mới, phù hợp với đặc thù ngành, các văn bản hướng dẫn theo tinh thần của Luật Khoa học và Công nghệ năm sửa đổi 2013. Để phù hợp với tình hình mới Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông đã ban hành Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 quy định quản lý nhà nước việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Qua đó, vấn đề tuyển chọn, giao trực tiếp, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN ngày càng chặt chẽ, hướng tới tăng hiệu quả ứng dụng của kết quả nghiên cứu. Cơ chế đặt hàng được thực hiện các nhiệm vụ KH&CN ngày càng được chú trọng, hướng tới giải quyết những vấn đề bức xúc của các Cơ quan, ban, ngành, địa phương, đồng thời gắn với trách nhiệm sử dụng của các đơn vị đề xuất đặt hàng, nâng cao hiệu quả ứng dụng, tính thực tiễn của nhiệm vụ KH&CN.

Cơ chế quản lý tài chính đối với hoạt động KH&CN đã được thực hiện theo tinh thần của Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành: Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKH-CN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư liên tịch Số 27/2015/TTLT-BKH-CN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước. Ủy

ban nhân dân tỉnh Đắk Nông đã ban hành Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND, ngày 01/6/2016 ban hành quy định, định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước. Theo đó, các phương thức khoán chi từng phần và khoán chi đến sản phẩm cuối cùng được áp dụng, từ đó đơn giản hóa thủ tục tài chính, tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức, cá nhân chủ động hơn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Từ ngày 15/12/2016, Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND thông qua định mức phân bổ dự toán chi kinh phí sự nghiệp KH&CN cấp huyện 200.000.000 đồng/huyện/năm; mỗi xã 15.000.000 đồng/năm để triển khai các hoạt động KH&CN, trong đó chủ yếu là các nhiệm vụ ứng dụng KH&CN vào sản xuất, từng bước tạo được mạng lưới về hoạt động KH&CN tại các địa phương.

Hoạt động đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp bước đầu đã xây dựng được cơ chế, chính sách, tạo hành lang pháp lý, khuyến khích các tổ chức, cá nhân nhận thức tích cực, chủ động tham gia hoạt động đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp. Ngày 11/12/2019 HĐND tỉnh Đắk Nông đã ban hành Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND quy định về chính sách hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và thông qua chủ trương thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025; UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Quyết định số 3018/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025; Quyết định số 3019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 phê duyệt Đề án “Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo tỉnh Đắk Nông đến năm 2025”; Quyết định số 1953/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 ban hành Kế hoạch Thực hiện nhiệm vụ cải thiện chỉ số Đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2018-2020 theo Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ;

Công tác kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan chuyên môn quản lý KH&CN cấp tỉnh, cấp huyện từng bước được củng cố, đi vào hoạt động có hiệu quả. Để thực hiện tốt công tác này, UBND tỉnh đã phê duyệt: Quyết định số 07/2016/QĐ-UBND 02/3/2016 ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông; Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 phê duyệt Đề án đổi mới, sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Sở Khoa học và Công nghệ theo Nghị quyết 18-NQ/TW; Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 11/02/2020 phê duyệt Bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của các cơ quan hành chính thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông.

Nhằm tăng cường hoạt động tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật, hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng, sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, tỉnh đã ban hành: Chỉ thị số 20/2015/CT-UBND ngày 21/9/2015 về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về đo lường trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND 21/9/2015 về việc quy định xây dựng và tổ chức hoạt động của Trạm cân đối chứng tại các chợ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 24/6/2016 ban hành Kế hoạch triển khai áp dụng

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2017 (thay thế Quyết định 1584/QĐ-UBND); Kế hoạch số 407/KH-UBND ngày 21/9/2016 về việc triển khai Dự án Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 2246/QĐ-UBND ngày 08/12/2016 ban hành Quy định về xét sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 22/02/2017 về việc kiện toàn Hội đồng sáng kiến tỉnh của UBND tỉnh Đắk Nông; Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 23/4/2019 ban hành Kế hoạch triển khai thực Quyết định số 1851/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

II. Đánh giá kết quả hoạt động KH&CN và đổi mới sáng tạo

1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN

Trong giai đoạn từ năm 2016-2020, tỉnh Đắk Nông đã triển khai thực hiện 30 nhiệm vụ KH&CN, trong đó bao gồm 01 nhiệm vụ độc lập cấp Nhà nước, 03 nhiệm vụ cấp Bộ thuộc Chương trình Nông thôn miền núi và 25 nhiệm vụ cấp tỉnh, 09 nhiệm vụ cấp cơ sở. Các nhiệm vụ triển khai đã bám sát các định hướng tại Nghị quyết số 22/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông, chủ yếu tập trung phục vụ sản xuất nông - lâm nghiệp, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường; bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc trong tỉnh.

2. Phát triển tiềm lực KH&CN

Công tác quản lý Nhà nước đối với lĩnh vực KH&CN được tỉnh quan tâm chú trọng, tạo cơ sở, hành lang pháp lý, cơ chế để KH&CN phát triển, góp phần quan trọng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới công nghệ sản xuất, nâng cao giá trị và năng lực cạnh tranh của sản phẩm. Các cơ quan, đơn vị, đại phương đẩy mạnh việc ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống. Tỉnh đã bố trí kinh phí để đầu tư cho hoạt động KH&CN như: Nghiên cứu và triển khai các đề tài, dự án...; hỗ trợ cho hoạt động KH&CN của các Sở, Ban, ngành, huyện, thành phố; hoạt động sự nghiệp KH&CN,... Các Sở, Ban, ngành và huyện, thành phố của tỉnh cũng đã triển khai các chủ trương, chính sách, lồng ghép nhiều chương trình, dự án, mục tiêu về vấn đề thu hút nguồn nhân lực, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ.

Với nhiều chính sách ưu đãi của tỉnh, hằng năm, số lượng đội ngũ trí thức KH&CN của tỉnh đã tăng lên cả về số lượng và chất lượng, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Có nhiều dự án điển hình như: Đầu tư xây dựng các Trung tâm KH&CN; mua sắm trang thiết bị tăng cường khả năng kiểm định phương tiện đo lường, thử nghiệm chất lượng hàng hóa cho Trung tâm kỹ thuật đo lường thử nghiệm, đến nay đã hoàn thành và đưa vào sử dụng; đầu tư xây dựng Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN,... Từ đó, góp phần nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh cho nông sản hàng hóa và tăng

nhANH tỷ lệ nông lâm sản chế biến cho các cơ sở sản xuất, nhất là trong chế biến hàng hóa xuất khẩu.

Tiềm lực KH&CN của tỉnh đã được tăng cường đáng kể trên các mặt tổ chức, đội ngũ cán bộ và đầu tư cơ sở vật chất. Mạng lưới các tổ chức KH&CN bước đầu được hình thành, đến nay, trên địa bàn tỉnh có trên 02 tổ chức KH&CN thuộc Sở ((Trong đó có 01 tổ chức công lập (*Trung tâm Thông tin, Kỹ thuật và Ứng dụng KH&CN*), 01 tổ chức ngoài công lập (*Trung tâm ứng phó sự cố môi trường Tây Nguyên*)), 01 doanh nghiệp KH&CN (*Công ty TNHH thực phẩm Nasa*); nhân lực hoạt động trong lĩnh vực KH&CN đạt trên 16.103 người.

3. Phát triển doanh nghiệp KH&CN, thị trường KH&CN, hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo

3.1. Phát triển doanh nghiệp KH&CN

Mặc dù địa phương đã có nhiều chính sách ưu đãi, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực KH&CN, tuy nhiên cho đến nay số lượng doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực KH&CN trên địa bàn vẫn còn rất khiêm tốn (*01 doanh nghiệp: Công ty TNHH thực phẩm Nasa*).

3.2. Hoạt động công nghệ và thị trường công nghệ

Nhằm tăng cường hoạt động tuyên truyền phổ biến các quy định của pháp luật về công nghệ và thị trường công nghệ trên địa bàn, tỉnh Đắk Nông đã triển khai các nội dung sau:

- Phối hợp với Trường Quản lý Khoa học và Công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức lớp tập huấn về phát triển thị trường công nghệ và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp;

- Phối hợp với Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định Công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức 02 lớp tập huấn về quản lý công nghệ và hoạt động chuyển giao công nghệ cho các Sở, Ban, ngành và doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh;

- Tổ chức Hội nghị tập huấn tuyên truyền, phổ biến Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017;

- Hằng năm, xây dựng Kế hoạch khảo sát cung - cầu công nghệ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông để chuẩn bị công tác tham gia sự kiện kết nối cung - cầu công nghệ do Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức; tham dự sự kiện cung cầu KH&CN, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân lựa chọn công nghệ phù hợp, phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp, chế biến; gửi Thông báo hỗ trợ cung cấp thông tin về nguồn cung - cầu công nghệ cho tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh biết và liên hệ để được hỗ trợ;

Để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, đã tiến hành điều tra, khảo sát, thu thập thông tin về công nghệ của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, qua đó phân tích, xác định hiện trạng, hiệu quả sử dụng, khai thác công nghệ sản xuất và đánh giá khả năng tổ chức, khai thác công nghệ hiện có, khả năng hấp thụ, làm chủ, nghiên cứu phát triển và đổi mới sáng tạo công nghệ sản xuất của

doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh làm cơ sở tham mưu và hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới, chuyên giao công nghệ cho phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, sức cạnh tranh của các doanh nghiệp trên thị trường trong và ngoài nước.

- Có ý kiến về công nghệ đối với các dự án đề xuất chủ trương đầu tư, bao gồm: Thay đổi công nghệ, công trình so với báo cáo tác động môi trường đã được phê duyệt Nhà máy sản xuất sản phẩm ván MDF và Veneer gỗ của Công ty cổ phần kỹ nghệ gỗ MDF Bison; Nhà máy sản xuất sản phẩm gỗ công nghệ cao Hansol HomeDeco Việt Nam của Công ty TNHH Hansol HomeDeco; Dự án Nhà máy xử lý rác thải thành chất đốt công nghiệp và dân dụng trên địa bàn huyện Cư Jút của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thương mại Trường Sơn; riêng Đối với Công nghệ dự án “Xưởng tái chế cao su đã qua sử dụng thành dầu FO-R” của Công ty TNHH dầu FO-R Tây Nguyên, Công nghệ của dự án này nằm trong danh mục hạn chế chuyển giao theo Luật Chuyển giao công nghệ. Do đó, tổ chức thành lập Hội đồng thẩm định công nghệ “Dự án xưởng tái chế cao su đã qua sử dụng thành dầu FO-R” của Công ty TNHH dầu FO-R Tây Nguyên, kết quả, Hội đồng đã nhất trí với công nghệ của Dự án.

3.3. Hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Công tác đào tạo, tuyên truyền, phổ biến kiến thức về đổi mới sáng tạo:

- Phối hợp với Học viện Khoa học công nghệ và Đổi mới sáng tạo thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội nghị tập huấn cải thiện chỉ số đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, kết quả có 42 đại biểu tham dự Hội nghị.

- Tổ chức Hội nghị tập huấn triển khai Chương trình Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Quốc gia đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ ngày 11-12/4/2019, kết quả có hơn 70 đại biểu tham dự.

- Hiện nay, tỉnh đang tiến hành triển khai Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Đắk Nông ban hành Quy định về chính sách hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và thông qua chủ trương thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025; chỉ đạo các Sở, ngành chức năng thực hiện Quyết định số 3018/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh ban hành hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025 và Quyết định số 3019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 phê duyệt Đề án “Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo tỉnh Đắk Nông đến năm 2025”.

4. Công tác đẩy mạnh ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình; đảm bảo an toàn bức xạ và hạt nhân

- UBND tỉnh Đắk Nông đã trình Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt “Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh Đắk Nông”; ban hành Quyết định Ban chỉ huy ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân; ban hành Nội quy, tổ chức hoạt động Ban chỉ huy ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân và tổ giúp việc, Tổ chức công tác diễn tập Ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp tỉnh theo

Kế hoạch số 62/KH-BCHUPSCBXHN ngày 21/8/2019 về kế hoạch chi tiết triển khai, thực hiện Ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2019 tại Công ty Nhôm Đắk Nông -TKV cho các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các đơn vị doanh nghiệp có liên quan với số lượng 78 người tham gia, đồng thời, mua sắm trang thiết bị ứng phó sự cố bức xạ nhằm thực hiện kế hoạch một cách hiệu quả và tốt nhất.

- Để đảm bảo thực hiện tốt các quy định về an toàn bức xạ và hạt nhân, địa phương đã thường xuyên kiểm tra, giám sát, phối hợp kiểm tra giám sát các cơ sở trong việc thực hiện các quy định. Trong thời gian qua, đã tiến hành thanh, kiểm tra được 65 cơ sở trên địa bàn toàn tỉnh.

- Tổ chức thẩm định gia hạn và cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ cho 31 các tổ chức, cá nhân sử dụng thiết bị X-Quang, CT trong chẩn đoán y tế;

- Công tác tuyên truyền: Để hoạt động an toàn bức xạ theo đúng các quy định của nhà nước, đơn vị chức năng của tỉnh đã tổ chức 05 lớp tập huấn hướng dẫn các quy định của pháp luật về an toàn bức xạ và hạt nhân.

5. Hợp tác và hội nhập quốc tế về KH&CN:

- Hợp tác trong nước: Trong giai đoạn 2016-2020, hoạt động hợp tác, liên kết với các Viện nghiên cứu, Trường đại học đã được chú trọng, nhằm tiếp nhận các tiến bộ khoa học - kỹ thuật mới, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương như: Chương trình hợp tác với Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng, Viện sinh học Nhiệt đới,...

- Hợp tác quốc tế: Trong thời gian qua vẫn chưa có sự hợp tác quốc tế trong lĩnh vực KH&CN.

6. Thông tin và thống kê KH&CN

6.1. Công tác thông tin KH&CN

- Giai đoạn 2016 - 2020, lĩnh vực thông tin KH&CN đã xây dựng hạ tầng thông tin, thống kê KH&CN; xuất bản 20 số Tập san KH&CN (số lượng 500 bản/số/5 năm); xây dựng kịch bản và phát sóng 54 chuyên mục “Khoa học công nghệ với đời sống” phát trên sóng Đài Phát thanh và Truyền hình Đắk Nông. Nội dung các tin, bài và chuyên mục tập trung phản ánh các hoạt động KH&CN của tỉnh, các tin chuyên ngành trong và ngoài nước phục vụ đông đảo mọi tầng lớp Nhân dân.

- Cấp 13 giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN; cập nhật cơ sở dữ liệu về nhiệm vụ KH&CN theo Thông tư số 10/2017/TT-BKH&CN ngày 28/6/2017 của Bộ Trưởng Bộ KH&CN quy định về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN.

- Tổ chức gian hàng chung của tỉnh tại sự kiện KH&CN “Ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ năm 2016” do Bộ KH&CN tổ chức năm 2016 tại tỉnh Thái Nguyên; sản phẩm được liệu tại gian hàng chung thuộc sự

kiện “Hội nghị giao ban KH&CN vùng Nam Trung bộ - Tây Nguyên năm 2019” tổ chức tại thành phố Đà Nẵng.

- Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện trưng bày các sản phẩm ứng dụng KH&CN của tỉnh; thực hiện các chuyên trang, chuyên mục chào mừng ngày lễ của ngành KH&CN hàng năm.

6.2. Hoạt động thống kê KH&CN

- Thực hiện báo cáo thống kê về KH&CN theo Thông tư số 15/2018/TT-BKHCN của Bộ KH&CN quy định chế độ báo cáo thống kê ngành KH&CN; cập nhật cơ sở dữ liệu về nhiệm vụ KH&CN theo Thông tư số 10/2017/TT-BKHCN ngày 28/6/2017 của Bộ KH&CN quy định về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN.

- Phối hợp với Cục Thông tin KH&CN quốc gia tiến hành 02 cuộc điều tra: Điều tra nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ năm 2016, Điều tra Hội nhập quốc tế về KH&CN năm 2016; 01 lớp tập huấn thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KH&CN trên địa bàn tỉnh Đắk Nông với số lượng 80 người tham gia. Triển khai thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm 2017 “Điều tra thống kê KH&CN giai đoạn 2010 - 2016 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông”: Gửi phiếu điều tra; Tập huấn nghiệp vụ điều tra; Tổng hợp, xử lý, phân tích kết quả điều tra; Tổ chức hội nghị công bố kết quả điều tra; Năm 2018 phối hợp với Cục Thông tin KH&CN quốc gia tiến hành 02 cuộc điều tra: Điều tra nghiên cứu phát triển công nghệ 2018 và Điều tra nhận thức công chúng về khoa học công nghệ năm 2018.

7. Công tác cải cách hành chính và xây dựng Chính phủ điện tử

7.1. Công tác cải cách hành chính

- Việc thực hiện cải cách hành chính luôn được các cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể đặc biệt quan tâm, nhất là giai đoạn cuối của Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020. Công tác lãnh đạo, điều hành được đặt lên hàng đầu, thường xuyên đổi mới, chú trọng hiệu quả, tinh giảm thủ tục hình thức, sắp xếp tổ chức bộ máy hoạt động hiệu quả, hiệu lực, tinh giản cán bộ, công chức. Thời gian qua, ngành khoa học công nghệ đã chủ động và kịp thời ban hành các chương trình, kế hoạch về cải cách hành chính, chương trình hành động phù hợp với yêu cầu thực tiễn của tỉnh, lựa chọn triển khai thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm trong từng năm, từng giai đoạn. Kịp thời, chủ động triển khai có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của cấp trên. Trách nhiệm của người đứng đầu được nâng cao trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện cải cách hành chính. Việc kiểm tra tình hình thực hiện cải cách hành chính được tổ chức thực hiện đúng kế hoạch và nghiêm túc, kịp thời phát hiện những tồn tại, hạn chế và đưa ra các giải pháp khắc phục.

- Công nghệ thông tin được ứng dụng vào hầu hết các công đoạn của quá trình thực hiện các nhiệm vụ: Chỉ đạo, điều hành, triển khai các nhiệm vụ, trao đổi trong công tác chuyên môn, lưu trữ văn bản; 100% văn bản đi, đến đều là

văn bản điện tử thông qua phần mềm quản lý và điều hành văn bản; 100% cán bộ, công chức sử dụng Hệ thống thư điện tử trong trao đổi công việc.

- Về áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính: Tổng số TTHC được áp dụng ISO 9001:2015 là 54/54 TTHC, đạt 100%. Các quy trình được cụ thể hóa chi tiết về thời gian, rõ người, rõ việc, có phiếu kiểm soát hồ sơ công việc.

7.2. Công tác xây dựng chính phủ điện tử

Trong 5 năm qua, tỉnh Đắk Nông đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, kế hoạch phát triển, tạo điều kiện, môi trường pháp lý thuận lợi thúc đẩy ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh. Nhờ vậy, công tác ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh đã có bước phát triển nhất định, góp phần xây dựng Chính quyền điện tử và Cải cách hành chính phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Tỉnh Đắk Nông đã tăng cường hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế chính sách để đẩy mạnh và phát triển công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh đã hoàn thiện và bổ sung quy trình, tiêu chuẩn, hệ thống chỉ tiêu đánh giá về xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh, như: ban hành 09 văn bản quy phạm pháp luật về nhân lực và ứng dụng công nghệ thông tin, phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử phiên bản 1.0; ban hành hệ thống mã định danh của tỉnh...; hằng năm, tổ chức đánh giá tiêu chuẩn xếp hạng Chính quyền điện tử cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh; triển khai các quy định của Chính phủ về quản lý ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước.

8. Tình hình thực hiện các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN

8.1. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và ngân sách 5 năm giai đoạn 2016-2020 và năm 2020 đầu tư cho khoa học và công nghệ

8.1.1. Kế hoạch vốn được giao giai đoạn 2016-2020

Căn cứ Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20/4/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020; Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020, ban hành Quyết định số 1972/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 về việc giao kế hoạch đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020 và Quyết định số 2076/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020, theo đó, lĩnh vực khoa học công nghệ dự kiến được bố trí trong giai đoạn là 113.603 triệu đồng, trong đó: Thanh toán nợ 8.700 triệu đồng; chuyển tiếp hoàn thành 15.312 triệu đồng; khởi công mới: 89.591 triệu đồng.

8.1.2. Tình hình phân bổ vốn giai đoạn 2016-2020

Trong giai đoạn 2016-2020, trên địa bàn tỉnh Đắk Nông thực hiện bố trí vốn cho 16 dự án với tổng số tiền là 110.455 triệu đồng, cụ thể: Cải tạo và nâng cấp khả năng hoạt động Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Đắk Nông 2.000 triệu đồng; bồi hoàn tài sản trên đất tại Khu nông nghiệp công nghệ cao (thôn Nam Rạ, xã Đắk Nia, thành phố Gia Nghĩa) 6.102 triệu đồng; xây dựng hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến trong các cơ quan Đảng tỉnh Đắk Nông 5.440 triệu đồng; Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông (phần xây dựng) 8.498 triệu đồng; xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu một số Sở, Ban, ngành của tỉnh (giai đoạn 1) 616 triệu đồng; nâng cấp Cổng thông tin điện tử tỉnh Đắk Nông 2.704 triệu đồng; phần mềm văn phòng điện tử trong các cơ quan nhà nước tỉnh Đắk Nông 2.737 triệu đồng; nâng cao năng lực cho Trung tâm thông tin ứng dụng KH&CN tỉnh Đắk Nông 23.250 triệu đồng; Báo cáo nghiên cứu khả thi xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Nông 1.050 triệu đồng; tăng cường trang thiết bị cho phòng đo lường và thử nghiệm của Sở KH&CN (năm 2005) 08 triệu đồng.

8.1.3. Đánh giá chung: Việc bố trí vốn cho lĩnh vực KH&CN trong giai đoạn 2016-2020 cơ bản bảo đảm được nhu cầu đầu tư của các dự án. Tuy nhiên, còn một số dự án chưa tranh thủ được nguồn vốn thuộc giai đoạn 2016-2020 như dự án Xây dựng chính quyền điện tử có tổng mức đầu tư là 35.000 triệu đồng, cụ thể: năm 2017 bố trí 7.400 triệu đồng nhưng không giải ngân được; năm 2018 bố trí 12.000 triệu đồng không giải ngân được; năm 2019 bố trí 15.000 triệu đồng nhưng chỉ giải ngân được 1.050 triệu đồng nên phải điều chỉnh cho các dự án khác; năm 2020 dự án được bố trí 16.400 triệu đồng để tiếp tục thực hiện dự án.

8.2. Xây dựng kế hoạch đầu tư thuộc lĩnh vực KH&CN giai đoạn 2021-2025

Thực hiện quy hoạch phát triển ngành, địa phương có nhu cầu tiếp tục thực hiện đầu tư các công trình thuộc lĩnh vực KH&CN với kinh phí đầu tư giai đoạn 2021-2025 là 408.975 triệu đồng (*chi tiết theo PL2 TK 2-5 đính kèm*).

9. Các hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh

9.1. Hoạt động ứng dụng chuyển giao, đổi mới công nghệ nâng cao năng lực công nghệ

- Tổ chức Hội nghị tập huấn tuyên truyền, phổ biến Luật Chuyển giao công nghệ 2017;

- Hàng năm xây dựng Kế hoạch khảo sát cung - cầu công nghệ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông để chuẩn bị công tác tham gia Sự kiện kết nối cung - cầu công nghệ do Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức; tham dự sự kiện cung cầu khoa học và công nghệ, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân lựa chọn công nghệ phù hợp, phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp, chế biến; gửi Thông báo hỗ trợ cung cấp thông tin về nguồn cung - cầu công nghệ cho tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh biết và liên hệ để được hỗ trợ.

Đề nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp đã tiến hành điều tra, khảo sát, thu thập thông tin về công nghệ của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Qua đó phân tích, xác định hiện trạng, hiệu quả sử dụng, khai thác công nghệ sản xuất và đánh giá khả năng tổ chức, khai thác công nghệ hiện có, khả năng hấp thụ, làm chủ, nghiên cứu phát triển và đổi mới sáng tạo công nghệ sản xuất của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, để có cơ sở tham mưu và hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới, chuyển giao công nghệ cho phù hợp góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, sức cạnh tranh của các doanh nghiệp trên thị trường trong và ngoài nước.

- Có ý kiến về công nghệ đối với các dự án đề xuất chủ trương đầu tư bao gồm: Thay đổi công nghệ, công trình so với báo cáo tác động môi trường đã được phê duyệt Nhà máy sản xuất sản phẩm ván MDF và Veneer gỗ của Công ty cổ phần kỹ nghệ gỗ MDF bison; Nhà máy sản xuất sản phẩm gỗ công nghệ cao Hansol HomeDeco Việt Nam của Công ty TNHH Hansol HomeDeco; Dự án nhà máy xử lý rác thải thành chất đốt công nghiệp và dân dụng trên địa bàn huyện Cư Jút của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thương mại Trường Sơn; riêng Đối với công nghệ dự án “Xưởng tái chế cao su đã qua sử dụng thành dầu FO-R” của Công ty TNHH dầu FO-R Tây Nguyên, công nghệ của dự án này nằm trong danh mục hạn chế chuyển giao theo Luật Chuyển giao công nghệ. Do đó, tổ chức thành lập Hội đồng thẩm định công nghệ “Dự án xưởng tái chế cao su đã qua sử dụng thành dầu FO-R” của Công ty TNHH dầu FO-R Tây Nguyên, kết quả, Hội đồng đã nhất trí với công nghệ của Dự án.

9.2. Hoạt động Sở hữu trí tuệ

Nhằm thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về hoạt động sở hữu trí tuệ trên địa bàn đã tổ chức đào tạo, tuyên truyền, phổ biến kiến thức về các quy định của pháp luật đến các tổ chức, cá nhân:

- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản dưới Luật với nhiều hình thức.

- Hướng dẫn thủ tục đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp (Nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, Sáng chế/giải pháp hữu ích). Trong giai đoạn 2016-2020, đã hướng dẫn thủ tục đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp cho 9 đơn vị, các đơn vị, tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, trong đó có 01 giải pháp hữu ích và 28 nhãn hiệu.

Các sản phẩm nông nghiệp (rau, củ, quả, cà phê, tiêu, khoai lang, sầu riêng, bơ, xoài,...) được đăng ký bảo hộ: Có khoảng 28 cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đã đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, nhãn hiệu tập thể. Đối với các sản phẩm nông sản đặc thù của địa phương hiện tại đã được đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, nhãn hiệu tập thể như: măng cụt, sầu riêng, khoai lang, hồ tiêu, cà phê, xoài, rau củ quả,... cụ thể đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng gồm: nhãn hiệu “Nguyên Trùng Thảo + logo” cho sản phẩm đông trùng hạ thảo của Công ty TNHH TMSX Thảo Nguyên, huyện Tuy Đức; nhãn hiệu “Cà phê Minh Khôi” của ông Châu Minh Quang, huyện Tuy Đức; Kiểu dáng công nghiệp “Bao gói cà phê” của bà Vũ Thị Hương, huyện Cư Jút; nhãn hiệu “Sơn Phát + logo” cho sản

phẩm Miến Dong của bà Nguyễn Hải Hồng, xã Đăk Nia, thành phố Gia Nghĩa; nhãn hiệu “Hoa trà Tây Nguyên + hình” của bà Nguyễn Thị Đào, xã Nam N’Jang, huyện Đăk Song; “Gia Ân + hình” cho sản phẩm măng cụt của ông Trần Quang Đông, xã Đăk Nia, thành phố Gia Nghĩa; nhãn hiệu “Sầu riêng Gia Trung”, nhãn hiệu tập thể “Khoai lang Tuy Đức”; “Tiêu Đăk Song”; “Hồ tiêu hữu cơ Đồng Thuận”; “Hồ tiêu năm màu Hà Phát”; nhãn hiệu “Trang trại bơ Thùy Vân” của Ông Nguyễn Khắc Ngữ huyện Đăk Mil và một số sản phẩm đã nộp đơn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tập thể đang chờ Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng như: Rau Đăk R’Láp; Cà phê Đăk Mil; Sầu riêng Đăk Mil; Xoài Đăk Mil; Lúa+gạo Krông Nô; Khoai lang Đăk Glong; Đông trùng hạ thảo thành phố Gia Nghĩa; Mắc ca thành phố Gia Nghĩa,... Qua đó, thấy rằng mỗi huyện của tỉnh Đăk Nông đã chọn có 01 đến 03 sản phẩm đặc thù để tiến hành đăng ký bảo hộ.

- Hằng năm, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đăk Nông (cơ quan Thường trực Hội đồng sáng kiến tỉnh) đã gửi thông báo, tiếp nhận, tổng hợp, phân loại hồ sơ sáng kiến theo từng lĩnh vực và tham mưu cho Hội đồng sáng kiến tỉnh họp, xem xét đánh giá chấm điểm đối với các hồ sơ sáng kiến đủ điều kiện của các tác giả và nhóm tác giả trên địa bàn tỉnh. Trong giai đoạn 2016-2019, Hội đồng sáng kiến Tỉnh họp, xem xét, đánh giá công nhận và cấp giấy chứng nhận cho 1.360 sáng kiến.

9.3 Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

9.3.1. Công tác Tiêu chuẩn

Hằng năm, thực hiện soát xét và mua bổ sung kịp thời Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam (QCVN), đáp ứng tốt yêu cầu của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh. Hiện tại, số lượng tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), quy chuẩn kỹ thuật (QCKT) hiện có tại phòng TĐC là khoảng 1.300 tiêu chuẩn, quy chuẩn các loại tập trung vào các lĩnh vực: sản phẩm cây công nghiệp, thực phẩm, vật liệu xây dựng và một số TCVN, QCKT phục vụ cho công tác quản lý.

Công tác tiêu chuẩn hóa tại cơ sở từng bước được đẩy mạnh. Các tổ chức, cá nhân đã quan tâm hơn đến hoạt động tiêu chuẩn hóa. Từ năm 2016 đến nay đã hướng dẫn xây dựng hơn 37 tiêu chuẩn cơ sở (TCCS) các loại trên cơ sở phù hợp các quy định của pháp luật. Các sản phẩm hàng hóa nhóm 2 (hàng hóa có nguy cơ gây mất an toàn về sức khỏe con người, động vật, môi trường) được sản xuất trên địa bàn tỉnh đều thực hiện nghiêm túc việc công bố phù hợp quy chuẩn kỹ thuật hoặc quy định kỹ thuật tương ứng. Ngoài ra, hiện trên địa bàn tỉnh có khoảng 30 doanh nghiệp đã và đang tích cực áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, công cụ quản lý tiên tiến như ISO 9001, ISO 22000, ISO 14000, HACCP, VietGap, Globalgap, 5S... nhằm nâng cao năng suất và chất lượng.

9.3.2. Công tác xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước

Hoạt động áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Đắk Nông được triển khai tích cực, đem lại nhiều hiệu quả trong chương trình cải cách hành chính của tỉnh. Bắt đầu triển khai từ năm 2006 với 17 cơ quan hành chính (gồm Văn phòng UBND tỉnh, các Sở, Ban, ngành). Đến nay, toàn tỉnh đã có 106 cơ quan hành chính Nhà nước áp dụng và công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 với nội dung áp dụng bảo đảm 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan. Đặc biệt trong số 106 cơ quan thực hiện áp dụng và công bố hệ thống quản lý phù hợp TCVN ISO 9001 đã bảo đảm 100% cơ quan hành chính là đối tượng bắt buộc áp dụng theo Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 5/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ và 71 cơ quan là UBND các xã, phường, thị trấn (đối tượng khuyến khích áp dụng). Việc triển khai hoạt động áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 đến cả UBND cấp xã đã tạo nên được sự đồng bộ trong việc giải quyết thủ tục hành chính, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; công bằng hơn trong đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức.

9.3.3. Hoạt động quản lý Đo lường

Đã trang bị 08 cân đối chứng đặt tại 08 chợ trung tâm của 08 huyện, thị xã trên địa bàn toàn tỉnh; trong đó, hỗ trợ xây dựng 01 Trạm cân đối chứng đặt tại chợ trung tâm thành phố Gia Nghĩa góp phần bảo đảm cho việc mua bán được trung thực, giảm thiểu các trường hợp gian lận đo lường diễn ra ở các chợ gây thiệt hại cho người tiêu dùng. UBND tỉnh ban hành Quyết định số 01/2008/QĐ-UBND ngày 11/01/2008 ban hành Quy định xây dựng và tổ chức hoạt động Trạm cân đối chứng tại các chợ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

10. Hoạt động của quỹ phát triển KH&CN các cấp

Quỹ Phát triển KH&CN địa phương: Chưa thành lập.

11. Tình hình phân bổ và kết quả thực hiện dự toán ngân sách cho hoạt động KH&CN

Tổng kinh phí được phân bổ trong giai đoạn là 58.622 triệu đồng và tỷ lệ giải ngân ước đạt 100% kế hoạch giao. Trong đó:

- Kinh phí để thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh: Trung bình trong giai đoạn 2016-2020 chiếm khoảng 45% dự toán (khoảng 05 tỷ đồng đến trên 06 tỷ đồng/năm). Với mức kinh phí sử dụng cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng đổi mới sáng tạo như hiện nay không thể đáp ứng nhu cầu cấp thiết đầu tư KH&CN cho các ngành, lĩnh vực, địa phương của tỉnh.

- Kinh phí sự nghiệp dành cho các dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp, duy tu, cải tạo cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN cho Trung tâm thuộc Sở Khoa học và Công nghệ hằng năm không quá 300 triệu, không đáp ứng được nhu cầu của đơn vị.

- Tình hình sử dụng kinh phí để thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN: Trong những năm gần đây chỉ đáp ứng được một phần kinh phí trong các hoạt động thực hiện các Chương trình, đề án như: Kế hoạch Ứng phó sự cố an toàn bức xạ hạt nhân trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ Chương trình hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh, duy trì hoạt động tuyên truyền Sở hữu trí tuệ, hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng,...

- Hằng năm, chi cho hoạt động KH&CN cấp huyện với mức kinh phí 2.665 triệu đồng, chỉ đáp ứng một phần trong hoạt động triển khai ứng dụng KH&CN tại cơ sở.

III. Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được

Trong thời gian qua, hoạt động KH&CN tỉnh Đắk Nông đã đạt được những kết quả nhất định, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn đã tổng kết các vấn đề thực tiễn trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, tổ chức quản lý và sản xuất, góp phần cung cấp các luận cứ khoa học cho việc đề ra các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội nghiên cứu, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa của các dân tộc trong tỉnh. Các đề tài thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ chú trọng nghiên cứu có hệ thống các điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, phục vụ cho các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên gắn với bảo vệ môi trường, phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai.

Hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo từng bước được hoàn thiện. Các đơn vị chức năng và trực tiếp là ngành KH&CN đã tích cực thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thông qua các hoạt động cụ thể như: Tập huấn về công tác xác lập quyền sở hữu công nghiệp; tổ chức hội nghị, hội thảo về hoạt động quản lý sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, từ đó nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trong việc đổi mới công nghệ, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ nâng cao chất lượng sản phẩm đặc biệt đối với các sản phẩm chủ lực tại địa phương.

Một số tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp đã nhận thức việc đổi mới công nghệ, đăng ký bảo hộ là sự cần thiết trong hoạt động và phát triển sản phẩm của mình đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế trong thời kỳ hội nhập hiện nay, như: Nhãn hiệu “Tất Thắng” cho sản phẩm đậu nành, đậu phụng của Công ty Công nghiệp Thực phẩm Tất Thắng và Nhãn hiệu “DANO COFFEE” của Công ty Cổ phần XNK An Phong, sản phẩm đã phát triển lan rộng trong nước và một số nước khác; Nhãn hiệu “Sầu riêng Gia Trung” của trang trại Gia Trung; nhãn hiệu “Măng cụt Gia Ân” của trang trại Gia Ân; nhãn hiệu “Tiêu hữu cơ Đồng Thuận” của Hợp tác xã hữu cơ Đồng Thuận; nhãn hiệu “Tiêu năm màu Hà Phát” của Hợp tác xã thương mại nông nghiệp Thuận Phát,... các sản phẩm này đã được phát triển và mang lại lợi nhuận tăng trưởng hàng năm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Công tác quản lý về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh đã đạt được những kết quả nhất định. Công tác tham mưu ban hành văn bản được kịp thời, phù hợp góp phần tạo nên hành lang pháp lý đồng bộ, đầy đủ, chặt chẽ. Hoạt động tuyên truyền phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến được đẩy mạnh góp phần nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân, sản xuất kinh doanh và người tiêu dùng. Công tác thanh tra, kiểm tra nhà nước, xử lý các vi phạm về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong sản xuất, kinh doanh được tăng cường nhằm hạn chế các hành vi gian lận về thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng lưu thông trên thị trường; ngăn chặn, phát hiện, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm về đo lường; qua đó, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, bảo vệ quyền lợi hợp pháp và chính đáng của người tiêu dùng, tạo nên một môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, tuân thủ luật pháp.

Công tác tiêu chuẩn hóa ở cơ sở được quan tâm hơn, các sản phẩm hàng hóa có nguy cơ gây mất an toàn về sức khỏe người, động vật, ảnh hưởng môi trường đã được công bố phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, quy định pháp luật tương ứng. Một số doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa chủ lực của tỉnh đã chủ động, mạnh dạn áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng yêu cầu của đối tác, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng.

Hoạt động áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh được triển khai mạnh và đồng bộ đã góp phần không nhỏ về hiệu quả trong công tác cải cách hành chính. Các thủ tục hành chính được công khai rõ ràng và có quy trình giải quyết cụ thể, rõ người, rõ việc, rõ thời gian thực hiện giúp cho cán bộ, công chức dễ dàng thực hiện, người dân nhận biết và kiểm soát quá trình thực hiện. Rút ngắn thời gian giải quyết công việc, nâng cao chất lượng phục vụ người dân.

2. Hạn chế, yếu kém, nguyên nhân

Cơ chế quản lý hoạt động và tài chính thực hiện còn lúng túng, về bản chất chưa có bước đột phá, các thủ tục vẫn còn rườm rà; hoạt động nghiên cứu KH&CN trong các ngành, lĩnh vực và tại địa phương vẫn còn hạn chế. Việc liên kết trong nghiên cứu, ứng dụng KH&CN giữa các nhà khoa học, nhà quản lý, doanh nghiệp, người dân còn hạn chế; hoạt động hợp tác chưa đi vào chiều sâu, hiệu quả chưa cao.

Hoạt động nghiên cứu KH&CN vẫn hạn chế, các nhiệm vụ nghiên cứu liên quan đến tổng kết lý luận chưa triển khai kịp thời, các nhiệm vụ về lĩnh vực tự nhiên công nghệ đưa vào thực tiễn còn chậm. Tuy nhiên, việc ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn chưa được sâu rộng. Nguyên nhân chủ yếu do các đơn vị trên địa bàn tỉnh chưa quan tâm đến việc nghiên cứu khoa học và ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn, thiếu sự gắn kết trong việc tham gia đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ KH&CN liên quan đến các vấn đề cấp thiết của ngành, lĩnh vực.

Nhìn chung, việc triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn còn chậm, chưa đồng bộ. Vấn đề liên kết trong nghiên cứu, ứng dụng KH&CN giữa các nhà khoa học, doanh nghiệp còn hạn chế.

Đội ngũ chuyên gia KH&CN trên địa bàn tỉnh còn thiếu cả về số lượng và chất lượng nên khó khăn trong công tác tham gia phản biện, đóng góp ý kiến trong các hội đồng khoa học, ảnh hưởng đến việc đánh giá chất lượng các nhiệm vụ khoa học, công nghệ trên địa bàn tỉnh.

Tiềm lực KH&CN của địa phương trên các lĩnh vực mặc dù đã được đầu tư, trang bị song còn thiếu, không đồng bộ và chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và xu thế hội nhập hiện nay; chưa thu hút được sự quan tâm của các doanh nghiệp, người dân trên địa bàn.

B. XÂY DỰNG KHUNG KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KH&CN GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

- Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 21/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 52-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

- Chương trình số 57-CTr/TU ngày 08/4/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 02/8/2013 của Tỉnh ủy Đắk Nông về việc phát triển Khoa học và Công nghệ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

II. Nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2021-2025

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 02/8/2013 của Tỉnh ủy Đắk Nông về việc phát triển Khoa học và Công nghệ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 của tỉnh.

- Phát triển đội ngũ trí thức giai đoạn 2020-2025 của tỉnh đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ mới; phát triển nông nghiệp thông minh trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 tại Đắk Nông, giai đoạn 2021-2025; xây dựng giải pháp ứng dụng công nghệ trong hoạt động du lịch tỉnh Đắk Nông; thực hiện chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; kết hợp hài hòa giữa việc nghiên cứu khoa học và đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ KH&CN vào thực tế; tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền về KH&CN để nâng cao nhận thức của cộng đồng về vị trí, vai trò của ngành KH&CN.

- Nghiên cứu các giải pháp phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, quy mô lớn; đầu tư cơ sở hạ tầng, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ 4.0, công nghệ sinh học và chuyển đổi số trong nông nghiệp, dần thay

thể lao động thủ công và tập quán canh tác truyền thống để từng bước nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nông sản.

- Tập trung nghiên cứu - triển khai và ứng dụng KH&CN; nghiên cứu tổng kết thực tiễn, cung cấp luận cứ cho phát triển kinh tế - xã hội địa phương; gắn KH&CN với đào tạo và yêu cầu phát triển của từng ngành, từng lĩnh vực, từng sản phẩm, góp phần tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Ứng dụng tiến bộ KH&CN trong các lĩnh vực sản xuất và đời sống, đổi mới và nâng cao trình độ KH&CN, tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng cho sản phẩm hàng hóa và dịch vụ, nâng cao năng lực cạnh tranh của một số sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Tiếp tục đổi mới về tổ chức, cơ chế quản lý, hoạt động, phương thức đầu tư, tài chính, chính sách cán bộ phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, khuyến khích phát triển các loại hình vườn ươm công nghệ và hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.

- Đẩy mạnh triển khai thực hiện Quyết định số 844/QĐ-TTg, ngày 18/5/2016 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”.

- Thực hiện Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

- Triển khai Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc”.

- Tiếp tục thực hiện Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 của UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Kế hoạch xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Đắk Nông.

- Đẩy mạnh đầu tư tiềm lực, nâng cao năng lực hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập để từng bước chuyển đổi theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập. Triển khai giai đoạn II của Đề án nâng cao năng lực của Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN, Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng theo Quyết định số 317/QĐ-TTg ngày 15/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra, xác minh, thu thập thông tin, cảnh báo về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

III. Dự toán chi NSNN cho hoạt động KH&CN

1. Vốn đầu tư phát triển cho KH&CN

Thực hiện quy hoạch phát triển ngành, địa phương có nhu cầu tiếp tục thực hiện đầu tư các công trình thuộc lĩnh vực KH&CN với kinh phí đầu tư là 235.950 triệu đồng.

2. Kinh phí sự nghiệp KH&CN

Tổng nhu cầu kinh phí sự nghiệp KH&CN thực hiện các nhiệm vụ là 173.025 triệu đồng, cụ thể như sau:

- Kinh phí nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia chuyển tiếp cấp về địa phương quản lý (chi tiết theo từng nhiệm vụ): Dự kiến thực hiện 2.500 triệu đồng;
- Chi nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp huyện: Dự kiến 75.782 triệu đồng;
- Đối với dự toán chi ngân sách Nhà nước cho hoạt động thường xuyên theo chức năng kinh phí: Dự kiến thực hiện 17.869 triệu đồng;
- Chi cho các hoạt động KH&CN phục vụ quản lý Nhà nước như: Hoạt động Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng, Sở hữu trí tuệ, thông tin thống kê KH&CN,...: Dự kiến kinh phí là 6.276 triệu đồng;
- Chi hoạt động quản lý Nhà nước về KH&CN cấp huyện, thực hiện cho 7 huyện, 01 thành phố: Dự kiến kinh phí hoạt động là 25.000 triệu đồng;
- Kinh phí chi hoạt động cho các đơn vị sự nghiệp thực hiện các nhiệm vụ quản lý Nhà nước (Trung tâm Thông tin, Kỹ thuật và Ứng dụng KH&CN): Dự kiến là 6.963 triệu đồng;
- Chi tăng cường tiềm lực: 10.000 triệu đồng;
- Chi cho các hoạt động khác như:
 - + Hoạt động quản lý Khoa học: Dự kiến 2.500 triệu đồng;
 - + Hội đồng sáng kiến, kỷ niệm các ngày lễ của ngành: Dự kiến 1.000 triệu đồng;
 - + Chi phát triển Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh ban hành chính sách hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và thông qua chủ trương thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo): Dự kiến 8.660 triệu đồng.
 - + Chi công tác ứng phó sự cố bức xạ (Kế hoạch số 414/KH-UBND ngày 02/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về Ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân trên địa bàn tỉnh Đắk Nông): Dự kiến 3.065 triệu đồng.
 - + Chi triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc (Quyết định 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019): Dự kiến 9.910 triệu đồng.
 - + Chi thực hiện Đề án theo Quyết định 996/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 (Kế hoạch 450/KH-UBND ngày 26/8/2019): Dự kiến 2.500 triệu đồng.
 - + Chi khác: Dự kiến 1.000 triệu đồng.

Trên đây là khung Kế hoạch hoạt động KH&CN của tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025; kính đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, cân đối chung trong tổng thể ngân sách dành cho KH&CN, phân bổ ngân sách KH&CN cho địa phương để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ trong giai đoạn tới./.

Nơi nhận:

- Bộ KH&CN;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&CN, TC, KH&ĐT;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX_(VN).

01

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tôn Thị Ngọc Hạnh

Tôn Thị Ngọc Hạnh

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG**Phụ lục 1**
Biểu TK 1-3**KẾT QUẢ CHƯƠNG TRÌNH KH&CN CẤP QUỐC GIA****05 NĂM 2016-2020***(Kèm theo Kế hoạch số 405/KH-UBND ngày 31/7/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông)*

STT	Tên Chương trình/Đề án	Chi tiêu/Mục tiêu đề ra	Kết quả đạt được	Đánh giá mức hoàn thành (%)	Lý do
1	Nghiên cứu sử dụng Puzolan tự nhiên trong xây dựng và bảo trì các công trình giao thông nông thôn, thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	<ul style="list-style-type: none">- Đề xuất và ứng dụng được giải pháp sử dụng hợp lý nguồn Puzolan tự nhiên trong xây dựng và bảo trì các công trình giao thông thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;- Xây dựng 01 mô hình đường giao thông và 01 mô hình công trình thủy lợi thực nghiệm.	<ul style="list-style-type: none">- 01 mô hình đường giao thông nông thôn dài 02 km;- 01 mô hình đập tràn sự cố.	100%	
2	Chương trình nâng suất chất lượng	Nâng cao nhận thức về năng suất chất lượng, thúc đẩy phong trào, ứng dụng đồng bộ các giải pháp, công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến nhằm nâng cao năng suất chất lượng trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, tạo bước chuyển biến rõ rệt về năng suất chất lượng các sản phẩm hàng hóa chủ lực của tỉnh, tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp và đóng góp tích cực vào thực hiện các mục tiêu phát triển KT-XH ở địa phương.	Hỗ trợ 02 doanh nghiệp	100%	

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG

*Phụ lục 1
Biểu TK 1-4*

NHÂN LỰC VÀ TỒ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Kèm theo Kế hoạch số 405 /KH-UBND ngày 21 /7/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	Tên tổ chức nghiên cứu-phát triển	Số giấy phép đăng ký hoạt động KH&CN và cơ chế hoạt động	Nhân lực hiện có đến 30/6/2020						Kinh phí chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng từ NSNN năm 2020 (trệu đồng)	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó hưởng lương SNKH						
				Tổng số	Nghiên cứu viên cao cấp/ Kỹ sư cao cấp	Nghiên cứu viên chính/ Kỹ sư chính	Nghiên cứu viên/Kỹ sư	Trợ lý nghiên cứu/Kỹ thuật viên		
I	Các đơn vị do cấp Bộ, ngành, địa phương quyết định thành lập		4	5	6	7	8	9	10	11
II	Các đơn vị do cấp khác thành lập được giao cho Bộ, ngành, địa phương trực tiếp quản lý									
	Trung tâm Thông tin, Kỹ thuật và Ứng dụng KH&CN	01 GCN - HDKHCN	18						1.337	Công lập
	Công ty TNHH Thực phẩm Công nghệ cao NASA	01 GCN - HDKHCN								Ngoài công lập
	Trung tâm Ứng phó Sự cố Môi trường Tây Nguyên	01 GCN - HDKHCN	6							Ngoài công lập
	Tổng số		24							

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KH&CN

(Kèm theo Kế hoạch số 405 /KH-UBND ngày 31/7/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Kết quả đạt được		
			Năm 2019	6 tháng đầu năm	05 năm 2016-2020
I	Số nhiệm vụ KH&CN được triển khai		6	6	25
1	Lĩnh vực tự nhiên	Nhiệm vụ			2
2	Lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ	Nhiệm vụ	2	1	5
3	Lĩnh vực nông nghiệp	Nhiệm vụ		3	5
4	Lĩnh vực y, dược	Nhiệm vụ	1		1
5	Lĩnh vực xã hội	Nhiệm vụ	3	2	11
6	Lĩnh vực nhân văn	Nhiệm vụ			1
II	Công tác đánh giá, thẩm định, giám định và chuyển giao công nghệ				
1	Thẩm định/có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư	Dự án	1	0	1
2	Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ	Hợp đồng	0	0	0
3	Giám định công nghệ	Công nghệ	0	0	0
III	Công tác phát triển năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân				
1	Số nguồn phóng xạ kín		0	0	48
-	Số nguồn phóng xạ được lắp đặt mới	Nguồn	0	0	0
-	Số nguồn phóng xạ đã qua sử dụng	Nguồn			
2	Số thiết bị bức xạ được lắp đặt		8	2	44
-	Trong lĩnh vực Y tế	Thiết bị	0	0	1
-	Trong lĩnh vực Công nghiệp	Thiết bị	0	0	0
-	Trong An ninh hải quan	Thiết bị	0	0	0
3	Lượng đồng vị, dược chất phóng xạ được sử dụng trong Y tế	Currie (Ci)	0	0	0
4	Thẩm định công nghệ các dự án đầu tư ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ	Dự án	0	0	0
5	Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ bức xạ và đồng vị phóng xạ	Hợp đồng	7	2	40
6	Hướng dẫn hồ sơ cấp phép cho các cơ sở	Cơ sở	7	2	32
7	Thẩm định, cấp phép hoạt động cho các cơ sở đạt tiêu chuẩn An toàn bức xạ	Giấy phép			
IV	Công tác Sở hữu trí tuệ				
1	Số hồ sơ hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ	Hồ sơ	8	5	29
2	Số đơn nộp đăng ký	Đơn	28	3	141
3	Số văn bằng được cấp	Văn bằng	24	0	62
4	Số vụ xử lý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Vụ	0	0	0
5	Số các dự án phát triển tài sản trí tuệ được hỗ trợ	Dự án	0	0	0
6	Số sáng kiến, cải tiến được công nhận	Sáng kiến	545	0	1.360

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Kết quả đạt được		
			Năm 2019	6 tháng đầu năm	05 năm 2016-2020
V	Công tác thông tin và thống kê KH&CN				
1	Bổ sung, phát triển nguồn tài liệu (tài liệu giấy, tài liệu điện tử, cơ sở dữ liệu trực tuyến, ...)	Tài liệu/biểu ghi/CSDL	11	2	101
2	Ấn phẩm thông tin đã phát hành.	Ấn phẩm,			
2.1	Tạp chí/bản tin KH&CN	Tạp chí/bản	4	2	20
2.2	Phóng sự trên đài truyền hình	Buổi phát	12	3	54
3	Xây dựng CSDL (CSDL mới, cập nhập biểu ghi trong CSDL, số hóa tài liệu đưa vào CSDL, ...)	CSDL/biểu ghi/trang tài liệu	11	2	101
4	Thông tin về nhiệm vụ KH&CN				
4.1	Nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành	Nhiệm vụ			
4.2	Nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký kết quả thực hiện	Nhiệm vụ	7	0	13
4.3	Nhiệm vụ KH&CN được ứng dụng	Nhiệm vụ			
5	Thống kê KH&CN				
5.1	Số cuộc điều tra/ số phiếu thu được tương ứng	Số cuộc/số phiếu	0	0	178/5
5.2	Báo cáo thống kê cơ sở	Báo cáo	1	0	4
5.3	Báo cáo thống kê tổng hợp	Báo cáo	1	0	4
6	Kết quả khác (nếu nổi trội)				
VI	Công tác tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng				
1	Số phương tiện đo được kiểm định	Phương tiện	1.866	600	7.000
2	Số lượng Tiêu chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng	Tiêu chuẩn	6	0	37
3	Số lượng Quy chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng	Quy chuẩn	0	0	
4	Số đơn vị hành chính nhà nước đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008, ISO 9001:2015	Đơn vị	106	0	106
5	Số cuộc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Cuộc	3	1	21
6	Số mẫu được thử nghiệm và thông báo kết quả	Mẫu	43	34	160
VII	Công tác thanh tra				
1	Số cuộc thanh tra	Cuộc	04	02	21
2	Số lượt đơn vị thanh tra	Đơn vị	89	19	442
3	Số vụ vi phạm phát hiện xử lý (nếu có)	Vụ	11	0	36
4	Số tiền xử phạt (nếu có)	Trđ	575	0	831
VIII	Hoạt động đổi mới công nghệ				
1	Số nhiệm vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp do các bộ, tỉnh/thành phố trực thuộc TW phê duyệt	Nhiệm vụ	9	9	41
2	Số doanh nghiệp có hoạt động đổi mới công nghệ	Doanh nghiệp	12	11	66
3	Số doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm	Doanh nghiệp	12	11	66
4	Số công nghệ được chuyển giao, đưa vào ứng dụng	Công nghệ	12	11	66

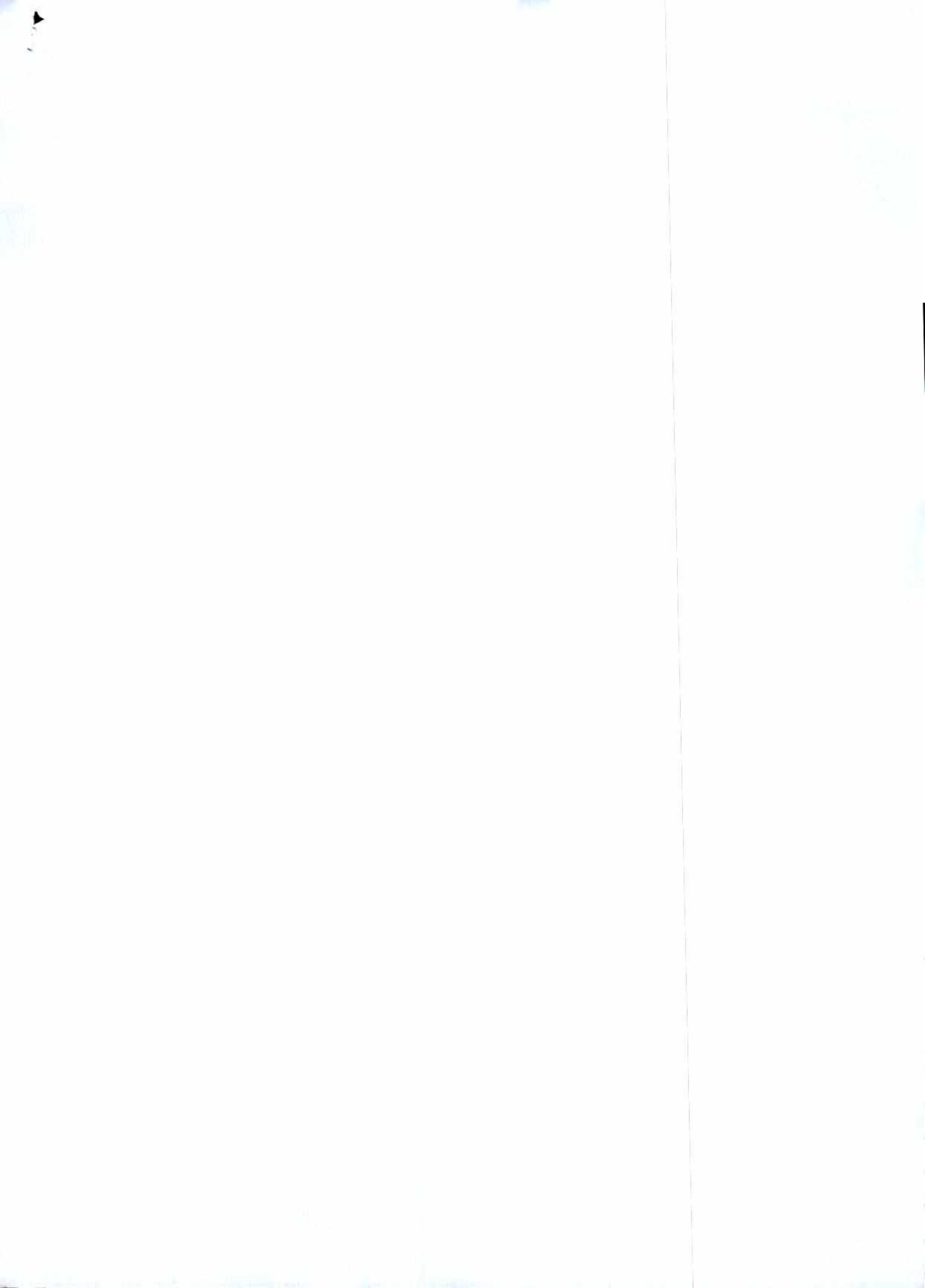
STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Kết quả đạt được		
			Năm 2019	6 tháng đầu năm	05 năm 2016-2020
5	Số hợp đồng chuyển giao công nghệ được thực hiện	HĐ	12	11	66
6	Tổng giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ	Tr.đ	6.331	5.359	26.880
IX	Công tác sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN				
1	Bổ nhiệm đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người			
2	Thăng hạng đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người			
3	Kéo dài thời gian công tác	Người			
4	Trọng dụng nhà khoa học đầu ngành	Người			
5	Trọng dụng nhà khoa học trẻ tài năng	Người			
6	Trọng dụng nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng	Người			
X	Công tác hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&CN				
1	Hỗ trợ và hình thành phát triển doanh nghiệp KH&CN	Doanh nghiệp	2	0	2
2	Thành lập cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	Cơ sở	0	0	0
3	Hỗ trợ cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, các nhóm nghiên cứu mạnh được ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN tại các cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	Đối tượng	0	0	0
4	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đối tượng thành lập doanh nghiệp KH&CN	Đối tượng	0	0	0
5	Hỗ trợ các tổ chức khoa học và công nghệ công lập chưa chuyển đổi thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Đơn vị	0	0	0
XI	Công tác phát triển thị trường KH&CN				
1	Giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và dịch vụ KH&CN trên thị trường	Tr.đ			
2	Tỷ trọng giao dịch mua bán tài sản trí tuệ trên giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và dịch vụ KH&CN	%			
XII	Hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia				
1	Số doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được hình thành (doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới)	Doanh nghiệp	0	0	0
2	Số lượng dự án khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ	Dự án	0	0	0

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Kết quả đạt được		
			Năm 2019	6 tháng đầu năm	05 năm 2016-2020
3	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ	Doanh nghiệp	0	0	0
4	Số lượng doanh nghiệp tham gia Đề án gọi vốn được từ các nhà đầu tư mạo hiểm, thực hiện mua bán và sáp nhập/tổng giá trị	Doanh nghiệp/ tổng giá trị	0	0	0
5	Số lượng các tổ chức ươm tạo, hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST	Tổ chức	0	0	0

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG**Phụ lục 1**
Biểu TK1 - 6**VĂN BẢN VỀ KH&CN ĐƯỢC BAN HÀNH****05 NĂM 2016-2020***(Kèm theo Kế hoạch số ~~408~~/KH-UBND ngày ~~21~~ tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh Đắk Nông)*

STT	Tên văn bản	Ngày tháng ban hành	Cơ quan ban hành		
			Tỉnh ủy	HĐND	UBND
1	Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh ban hành quy định quản lý nhà nước các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Đắk Nông	13/04/2016			X
2	Quyết định số 15/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh ban hành quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách Nhà nước tại tỉnh Đắk Nông	13/04/2016			X
3	Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh ban hành quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước tại tỉnh Đắk Nông	13/04/2016			X
4	Quyết định 1033/QĐ-UBND của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2017	24/06/2016			X
5	Kế hoạch số 407/KH-UBND của UBND tỉnh triển khai Dự án Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020	21/9/2016			X
6	Kế hoạch số 408/KH-UBND của UBND tỉnh về việc triển khai Dự án Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2016	21/9/2016			X

STT	Tên văn bản	Ngày tháng ban hành	Cơ quan ban hành		
			Tỉnh ủy	UBND	UBND
7	Quyết định số 930/QĐ-UBND của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2018-2020	14/6/2018			X
8	Kế hoạch số 450/KH-UBND của UBND tỉnh triển khai Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	26/8/2019			X
9	Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh quy định quản lý Nhà nước việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	14/12/2018			X
10	Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Đắk Nông ban hành Quy định về chính sách hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và thông qua chủ trương thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn năm 2025	12/11/2019		X	
11	Quyết định số 3018/QĐ-UBND của UBND tỉnh ban hành Hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025	31/12/2019			X
12	Quyết định số 3019/QĐ-UBND của UBND tỉnh phê duyệt Đề án “Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo tỉnh Đắk Nông đến năm 2025”	31/12/2019			X



**KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
CƠ CHẾ KHOÁN ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ KH&CN 05 NĂM 2016-2020**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 405 /KH-UBND
ngày 21 tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh Đắk Nông)*

Số nhiệm vụ triển khai 5 năm 2016-2020			
Nhiệm vụ	Tổng số	Khoán đến sản phẩm cuối cùng	Khoán từng phần
Nhiệm vụ cấp bộ, tỉnh	25	13	12
Nhiệm vụ cấp cơ sở	9	3	6

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG

Phụ lục 2
Biểu TK2-5

DỰ KIẾN KINH PHÍ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2021-2025

(Kèm theo Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 29/7/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kinh phí TW thông báo năm 2020	Kinh phí UBND tỉnh phê duyệt năm 2020	Kinh phí thực hiện năm 2020	Kinh phí dự kiến năm 2021	Kinh phí dự kiến năm 2022	Kinh phí dự kiến năm 2023	Kinh phí dự kiến năm 2024	Kinh phí dự kiến năm 2025
I	Kinh phí sự nghiệp KH&CN	12.735	13.765	13.765	27.728	31.878	34.713	37.438	41.268
1	Kinh phí nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia chuyên tiếp cấp về địa phương quản lý (chi tiết theo từng nhiệm vụ)		300	300	500	500	500	500	500
2	Chi nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp huyện		6.545	6.545	10.782	13.000	15.000	17.000	20.000
3	Chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng		1.337	1.337	3.443	3.443	3.443	3.620	3.920
4	Chi hoạt động KH&CN phục vụ QLNN		820	820	1.305	1.240	1.243	1.243	1.245
	Hoạt động Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng		360	360	755	755	755	755	755
	Sở hữu trí tuệ		80	80	100	100	100	100	100
	Thông tin và thông kê KH&CN		20	20	50	50	50	50	50
	Phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân		50	50	50	50	50	50	50
	Đào tạo, tập huấn		70	70	100				
	Đánh giá, thẩm định, giám định và CGCN		50	50	50	135	138	138	140
	Thanh tra KH&CN		140	140	150	150	150	150	150
	Hợp tác quốc tế		50	50	50				
	Thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN			0					
5	Chi hoạt động KH&CN cấp huyện (7 huyện, 01 thành phố)		2.665	2.665	4.000	4.500	5.000	5.500	6.000
6	Chi các đơn vị sự nghiệp		1.298	1.298	1.338	1.365	1.392	1.420	1.448

Đơn vị: Triệu đồng

7	Chi tăng cường tiềm lực					2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000
8	Chi khác		800	800	4.360	5.830	6.135	6.155	6.155	6.155	6.155
	- Hoạt động quản lý khoa học		400	400	500	500	500	500	500	500	500
	- Hội đồng sáng kiến, kỷ niệm các ngày lễ của ngành				200	200	200	200	200	200	200
	Phát triển Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (Nghị Quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh ban hành chính sách hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và thông qua chủ trương thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi										
	Công tác ứng phó sự cố bức xạ (Kế hoạch số 414/KH-UBND ngày 02/8/2019 của UBND tỉnh về Ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân trên địa bàn tỉnh Đắk Nông)				550	550	655	655	655	655	655
	Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc (Quyết định 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019)				1.750	1.880	2.080	2.100	2.100	2.100	2.100
	Thực hiện Đề án theo quyết định 996/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 (Kế hoạch 450/KH-UBND ngày 26/8/2019)				500	500	500	500	500	500	500
	Kinh phí Hội Khoa học - Kỹ thuật tỉnh Đắk Nông		100	100							
	Chi khác				200	200	200	200	200	200	200
II	Kinh phí đầu tư phát triển		20.000	20.000	47.150	47.200	47.200	47.200	47.200	47.200	47.200
	Tổng số		12.735	33.765	33.765	74.878	79.078	81.913	84.638	88.468	

